

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 48

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (tên viết tắt là HIPT GROUP.,JSC) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100364579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 02 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 03 tháng 08 năm 2023.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, dịch vụ và phát triển phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 của Công ty là 225.590.300.000 VND, tương đương với 22.559.030 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 VND/1 cổ phần.

Ngày 24 tháng 06 năm 2009 Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCOM với mã chứng khoán HIG.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch HĐQT
Ông Đặng Hoàng Giang	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Yên	Thành viên HĐQT
Bà Đặng Thị Ngọc Trâm	Thành viên HĐQT

Ủy ban kiểm toán

Bà Đặng Thị Ngọc Trâm	Chủ tịch
Ông Đặng Hoàng Giang	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trần Thành	Tổng Giám đốc
Ông Trương Phúc Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nguyễn Cao Đăng	Phó Tổng Giám đốc Miễn nhiệm ngày 24/01/2025
Ông Lê Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ông Lê Hải Đoàn – Chủ tịch HĐQT (sinh ngày 19/11/1978; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 024078000528 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021).

- Ông Nguyễn Trần Thành – Tổng Giám đốc (sinh ngày 12/09/1977; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 040077000650 Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

8. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trần Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 06 năm 2025



Số: 079/2025/BCKT-PB.00472

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 06 năm 2025, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/03/2025, Công ty đã thực hiện ước tính giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh theo giá trị giao dịch thực tế trên thị trường chứng khoán. Công ty thực hiện đánh giá giảm giá các khoản chứng khoán kinh doanh đối với số lượng gốc của các khoản chứng khoán kinh doanh và không tính đến số lượng các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu đang sở hữu tại 31/03/2025 theo hướng dẫn tại khoản 3 điều 45 Thông tư 200/2014/TT-BTC, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 và Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 48/2019/TT-BTC hướng dẫn về việc dự phòng tổn thất tài sản. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo tổng số lượng cổ phiếu gốc và cổ tức nhận được bằng cổ phiếu thì khoản mục "Dự phòng giảm giá Chứng khoán kinh doanh" trên Bảng cân đối kế

toán sẽ giảm đi là 14.252.609.300 VND, "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước" tăng 2.850.521.860 VND, "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ tăng là 11.402.087.440 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" sẽ giảm đi là 14.252.609.300 VND, chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" sẽ tăng tương ứng là 2.850.521.860 VND và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế" sẽ tăng là 11.402.087.440 VND.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa thể thu thập được hợp đồng và các hồ sơ liên quan của khoản cho vay ngắn hạn Công ty cổ phần Tập đoàn Agri-Vina với giá trị 33 tỷ VND. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư khoản công nợ phải thu nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như việc ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.10 và Thuyết minh số 5.19, Công ty có khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt. Tuy nhiên tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do đó, Công ty vẫn ghi nhận giá gốc khoản đầu tư vào khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác" với số tiền 72.000.000.000 VND và ghi nhận tương ứng số tiền đã nhận được từ bên thứ ba vào khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác".



NGUYỄN XUÂN HÙNG

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5701 - 2023 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 06 năm 2025

NGUYỄN VĂN VINH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5023 - 2025 - 009 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/03/2025 VND	01/04/2024 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		581.304.866.562	601.190.064.213
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	43.735.912.093	38.671.127.134
1. Tiền	111		43.735.912.093	38.671.127.134
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	128.853.449.267	117.119.201.184
1. Chứng khoán kinh doanh	121		162.954.257.950	139.828.754.947
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(37.312.005.583)	(27.007.717.063)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.211.196.900	4.298.163.300
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		239.413.448.868	257.187.762.428
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	221.440.515.009	223.693.230.655
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	12.382.233.753	45.074.449.123
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	33.000.000.000	16.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	23.502.891.974	11.942.455.512
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(50.912.191.868)	(39.522.372.862)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.8	94.485.311.557	97.797.551.956
1. Hàng tồn kho	141		94.485.311.557	97.797.551.956
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		74.816.744.777	90.414.421.511
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.478.387.168	1.618.412.750
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		514.474.576	796.008.761
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	823.883.033	1.000.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	5.10	72.000.000.000	87.000.000.000
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		237.201.399.729	200.927.156.283
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		63.000.000	56.250.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	63.000.000	56.250.000
II/ Tài sản cố định	220		7.387.647.628	3.076.378.023
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	1.655.839.830	2.222.527.210
- Nguyên giá	222		7.863.862.349	7.749.053.258
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.208.022.519)	(5.526.526.048)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	5.731.807.798	853.850.813
- Nguyên giá	228		6.600.000.000	1.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(868.192.202)	(146.149.187)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.13	15.680.620.000	15.680.620.000
- Nguyên giá	231		15.680.620.000	15.680.620.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	213.645.720.514	131.717.720.514
1. Đầu tư vào công ty con	251		70.428.000.000	51.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		132.105.026.880	69.605.026.880
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.112.693.634	11.112.693.634
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		424.411.587	50.396.187.746
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	424.411.587	396.187.746
2. Tài sản dài hạn khác	268	5.10	-	50.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		818.506.266.291	802.117.220.496

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/03/2025	01/04/2024
			VND	VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		401.900.455.060	418.080.925.328
I/ Nợ ngắn hạn	310		401.400.455.060	417.580.925.328
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	160.731.312.554	85.405.014.992
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	52.023.279.506	88.556.059.540
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	8.427.878.850	3.981.278.589
4. Phải trả người lao động	314		4.111.935.322	6.087.532.453
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	957.193.557	7.270.601.552
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	11.080.383.859	10.367.423.897
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	77.670.299.110	77.827.753.869
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	86.383.769.069	138.002.524.953
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		14.403.233	82.735.483
II/ Nợ dài hạn	330		500.000.000	500.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	500.000.000	500.000.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		416.605.811.231	384.036.295.168
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.21	416.605.811.231	384.036.295.168
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		97.570.067.828	97.570.067.828
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		93.445.443.403	60.875.927.340
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		60.875.927.340	37.021.120.777
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.569.516.063	23.854.806.563
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		818.506.266.291	802.117.220.496



Nguyễn Trần Thành
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 28 tháng 06 năm 2025

Trần Thị Phương Thảo
 Kế toán trưởng

Phùng Chi Chư Linh
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.243.177.275.740	966.816.165.763
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.243.177.275.740	966.816.165.763
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.143.106.098.775	866.490.385.802
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.071.176.965	100.325.779.961
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	17.415.513.118	15.801.108.428
7. Chi phí tài chính	22	6.4	21.537.869.713	21.148.827.756
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.016.264.929	8.043.975.239
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	35.835.866.394	42.314.507.244
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	26.106.721.907	31.637.688.943
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.006.232.069	21.025.864.446
11. Thu nhập khác	31	6.7	4.024.822.942	3.131.454.543
12. Chi phí khác	32	6.8	48.838.640	302.512.426
13. Lợi nhuận khác	40		3.975.984.302	2.828.942.117
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.982.216.371	23.854.806.563
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	5.412.700.308	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.569.516.063	23.854.806.563



Nguyễn Trần Thành
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 28 tháng 06 năm 2025

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Phùng Chi Chương
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	37.982.216.371	23.854.806.563
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.403.539.486	443.672.787
- Các khoản dự phòng	03	21.625.775.276	17.901.839.530
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.303.890.256	246.493.610
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16.532.033.726)	(14.868.541.373)
- Chi phí lãi vay	06	7.016.264.929	8.043.975.239
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	52.799.652.592	35.622.246.356
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.233.646.066	(36.277.170.790)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.312.240.399	(15.112.198.537)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	29.295.685.860	(48.948.811.409)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	111.801.741	982.689.737
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(23.125.503.003)	(31.046.443.498)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.535.300.659)	(7.086.781.588)
- Thuế TNDN đã nộp	15	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	74.092.222.996	(101.866.469.729)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.714.809.091)	(2.546.323.818)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(30.472.227.594)	(52.939.493.449)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	16.559.193.994	52.012.025.769
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.500.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	9.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.705.783.366	11.123.313.238
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.422.059.325)	16.649.521.740
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	564.886.338.005	535.451.421.340
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(616.505.093.889)	(433.045.799.807)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(51.618.755.884)	102.405.621.533

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.051.407.787	17.188.673.544
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.671.127.134	21.467.219.781
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	13.377.172	15.233.809
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	43.735.912.093	38.671.127.134



Nguyễn Trần Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 06 năm 2025

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Phùng Chi Chư Linh

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (tên viết tắt là HIPT GROUP.,JSC) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100364579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 02 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 03 tháng 08 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 của Công ty là 225.590.300.000 VND, tương đương với 22.559.030 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 VND/1 cổ phần.

Ngày 24 tháng 06 năm 2009 Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCOM với mã chứng khoán HIG.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, dịch vụ và phát triển phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

Chi nhánh	Địa chỉ		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT	Tầng trệt tòa nhà Thiên Sơn, số 5 đường Nguyễn Gia Thiều, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh		
Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ quyền kiểm soát
Công ty cổ phần HIPT	Hà Nội, Việt Nam	51%	51%
Công ty cổ phần HIPT DX	Hà Nội, Việt Nam	53,96%	77,42%
Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Lam Hồng	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%
Công ty Cổ phần Nông sản Trung Ương 6	Hà Nội, Việt Nam	36%	36%
Công ty CP Đầu tư - xây dựng công trình văn hóa Đô Thị	Hà Nội, Việt Nam	30%	30%
Công ty Cổ phần VBP	Hà Nội, Việt Nam	32,26%	44,24%

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 67 người (tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 là 70 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm trước và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 dương lịch năm sau.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí thuê văn phòng. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với thời gian thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05
Máy móc thiết bị	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 06

4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính: không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo đường thẳng trong vòng 5 đến 8 năm.

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá nếu có bằng chứng cho thấy giá trị thị trường của Bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

4.10 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty con:

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Một khoản đầu tư được coi là nắm quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ đi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một quy chế hoặc thoả thuận;
- Quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đa số thành viên của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc bộ phận quản lý tương đương tại Công ty con.

Góp vốn liên doanh:

Công ty liên doanh là công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thoả thuận của hợp đồng liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đầu tư vào các công ty liên kết:

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh vào các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với các bên được đầu tư.

Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư tài chính được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi các khoản dự phòng tổn thất đầu tư (nếu có). Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của Công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế lũy kế còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện phân phối lợi nhuận tại thời điểm báo cáo.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn 02 điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hoá, dịch vụ. Các khoản chi phí phát sinh trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ được áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp các khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2025	01/04/2024
	VND	VND
Tiền mặt	-	426.501.937
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.735.912.093	38.244.625.197
Cộng	43.735.912.093	38.671.127.134

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

a) Chứng khoán kinh doanh	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá hợp lý VND
Cổ phiếu	162.954.257.950	(37.312.005.583)	125.642.252.367	112.821.037.884
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex - PGI	14.058.375.594	(3.978.180.594)	10.080.195.000	10.702.500.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TPB	42.595.718.000	(10.617.972.200)	31.977.745.800	24.509.234.600
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO - VTO	-	-	-	13.345.018.738
CTCP Ánh Dương Việt Nam - VNS	36.273.965.724	(11.787.165.724)	24.486.800.000	12.693.600.000
CTCP Chế tạo máy Vinacomin - CTT	16.603.129.707	(3.544.277.307)	13.058.852.400	13.128.131.000
Khác	53.423.068.925	(7.384.409.758)	46.038.659.167	38.442.553.546
Cộng	162.954.257.950	(37.312.005.583)	125.642.252.367	112.821.037.884

Tại thời điểm 31/03/2025 Công ty đã thực hiện ước tính giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh theo giá trị giao dịch thực tế trên thị trường chứng khoán. Công ty thực hiện đánh giá giảm giá các khoản chứng khoán kinh doanh đối với số lượng gốc của các khoản chứng khoán kinh doanh và không tính đến số lượng các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu đang sở hữu tại 31/03/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	3.211.196.900	3.211.196.900	4.298.163.300	4.298.163.300
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.211.196.900	3.211.196.900	4.298.163.300	4.298.163.300
Cộng	3.211.196.900	3.211.196.900	4.298.163.300	4.298.163.300

(i) Các tài khoản tiền gửi này được sử dụng làm tài khoản phong tỏa tại các ngân hàng thương mại để bảo lãnh thực hiện hợp đồng, trong đó:

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng (quay vòng kỳ hạn) tại các Ngân hàng:

- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (lãi suất 2,7%)
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (lãi suất 3%)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (lãi suất 4,8%)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) (lãi suất 2,8%-4,8%)

Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long (lãi suất 6,1%).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

	31/03/2025			01/04/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	70.428.000.000	-	-	51.000.000.000	-	-
Công ty CP HIPT	51.000.000.000	-	(i)	51.000.000.000	-	(i)
Công ty CP HIPT DX	19.428.000.000	-	(i)	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	132.105.026.880	-	-	69.605.026.880	-	-
Công ty CP CNTT Lam Hồng	800.000.000	-	(i)	800.000.000	-	(i)
Công ty CP Đầu tư - XD Công trình văn hoá và đô thị	15.900.000.000	-	(i)	15.900.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Nông sản Trung Ương 6	52.905.026.880	-	(i)	52.905.026.880	-	(i)
Công ty Cổ phần VBP (ii)	62.500.000.000	-	(i)	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	11.112.693.634	-	-	11.112.693.634	-	-
Công ty CP tin học viễn thông hàng không	9.098.420.000	-	(i)	9.098.420.000	-	(i)
Công ty CP Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10	2.014.273.634	-	(i)	2.014.273.634	-	(i)
Cộng	213.645.720.514	-	-	131.717.720.514	-	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(ii) Theo Hợp đồng vốn góp và Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/03/2025 thì khoản đầu tư 62.500.000.000 đồng được chuyển thành vốn góp vào Công ty Cổ phần VBP với tỷ lệ tương ứng là 32,26% vốn chủ, mệnh giá cổ phần là 50 triệu đồng/1 cổ phần. Tỷ lệ chuyển đổi vốn góp là 250 triệu đồng cho 1 cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	16.252.714.987	-	-	-
Công ty CP HIPT	16.252.714.987	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	205.187.800.022	(50.152.441.285)	223.693.230.655	(37.734.517.541)
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng	56.800.532.619	(43.531.932.593)	56.800.532.619	(30.472.352.814)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.486.239.080	-	22.528.509.920	-
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	6.548.187.000	-	3.850.809.200	-
Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam (LPB)	24.032.603.200	-	646.577.345	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	-	-	31.738.316.258	-
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	-	-	9.545.998.000	-
Tổng công ty cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	21.918.380.000	-	-	-
Các khách hàng khác	93.401.858.123	(6.620.508.692)	98.582.487.313	(7.262.164.727)
Cộng	221.440.515.009	(50.152.441.285)	223.693.230.655	(37.734.517.541)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước bên liên quan	-	-	-	-
Trả trước các khách hàng khác	12.382.233.753	-	45.074.449.123	-
Công ty CP Tích hợp công nghệ truyền thông và tri thức mới NKG	-	-	11.318.850.000	-
Công ty CP Nam Trường Sơn Hà Nội	-	-	8.312.095.600	-
Công ty TNHH MTV THS Electric	-	-	5.750.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Bắc Vương	1.815.529.943	-	6.904.516.001	-
Công ty Cổ phần Tin học Tuấn Thành (tên cũ Công ty TNHH Tin học Tuấn Thành)	4.704.282.000	-	-	-
Các đối tượng khác	5.862.421.810	-	12.788.987.522	-
Cộng	12.382.233.753	-	45.074.449.123	-

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu đối tượng khác	33.000.000.000	-	16.000.000.000	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Agri-Vina (i)	33.000.000.000	-	16.000.000.000	-
Cộng	33.000.000.000	-	16.000.000.000	-

- (i) Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Tập đoàn Agri-Vina theo Hợp đồng cho Vay tiền số 0103/2025/HDCVT/ AGRIVINA-HIPT ngày 01/03/2025. Tổng số tiền vay là 33 tỷ đồng, thời hạn vay đến ngày 05/09/2025. Lãi suất vay là 10%/năm theo quy ước 365 ngày/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản gắn liền với đất đã hình thành, là công trình xây dựng đã hình thành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Agri-Vina, được ghi nhận tại – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất số: 1813231 do UBND TP. Hà Nội cấp ngày 22/01/2023 tại Số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.6 Phải thu khác**5.6.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	18.775.786.173	-	-	-
Công ty Cổ phần HIPT DX	863.865.528	-	-	-
Ông Lê Hải Đoàn	17.911.920.645	-	-	-
Phải thu các đối tượng	4.727.105.801	(759.750.583)	11.942.455.512	(1.720.637.322)
Lãi cho vay phải thu	589.863.014	-	845.479.452	-
Các cá nhân góp vốn đầu tư XD CB	664.650.871	(664.650.871)	664.650.871	(465.255.610)
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.538.500	-	536.559.145	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	1.360.863.861	-	7.577.119.080	(1.227.500.000)
Phải thu khác	2.096.189.555	(95.099.712)	2.318.646.964	(27.881.712)
Cộng	23.502.891.974	(759.750.583)	11.942.455.512	(1.720.637.322)

5.6.2 Phải thu khác dài hạn

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	63.000.000	-	56.250.000	-
Cộng	63.000.000	-	56.250.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	T/g quá hạn	31/03/2025		01/04/2024	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND
Nợ phải thu khách hàng quá hạn		51.634.740.284	1.482.298.999	50.794.097.319	13.059.579.778
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	> 3 năm	525.144.840	-	525.144.840	-
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng	> 3 năm	43.531.932.593	-	43.531.932.593	13.059.579.778
Bộ tư lệnh 86/BQP	> 3 năm	3.230.423.910	-	3.230.423.910	-
Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Hà Tĩnh	> 3 năm	157.343.000	-	157.343.000	-
Công ty TNHH MTV TM Công nghệ Hùng Phương	> 3 năm	2.001.468.800	-	1.401.028.160	-
Công ty Cổ phần Hiday (tên cũ là Công ty TNHH Hiday)	> 6 tháng	1.059.432.100	741.602.470	-	-
Cục Tin học và Thống kê Tài chính - Bộ Tài chính	> 6 tháng	880.995.041	616.696.529	-	-
Công ty TNHH TMDV mạng lưới Thông Minh	> 1 năm	248.000.000	124.000.000	-	-
Công ty CP Viễn Thông - Tin học Bưu Điện (CT-IN)	> 3 năm	-	-	1.948.224.816	-
Các khoản phải thu khác quá hạn		759.750.583	-	759.750.583	199.395.262
Công ty CP Đầu tư Phú Bình Group	> 3 năm	27.881.712	-	27.881.712	-
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn	> 3 năm	40.178.000	-	40.178.000	-
Sở thông tin truyền thông Trà Vinh	> 3 năm	27.040.000	-	27.040.000	-
Các cá nhân góp vốn đầu tư XDCB	> 3 năm	664.650.871	-	664.650.871	199.395.262
Các khoản tạm ứng quá hạn		-	-	1.227.500.000	-
Lê Việt Dũng	> 3 năm	-	-	1.227.500.000	-
Cộng		52.394.490.867	1.482.298.999	52.781.347.902	13.258.975.040

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.8 Hàng tồn kho

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	84.393.888.355	-	77.182.907.207	-
Hàng hoá	10.091.423.202	-	20.614.644.749	-
Cộng	94.485.311.557	-	97.797.551.956	-

5.9 Chi phí trả trước**5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/03/2025 VND	01/04/2024 VND
Chi phí thuê văn phòng	1.357.537.219	1.357.537.222
Chi phí trả trước ngắn hạn chờ phân bổ	120.849.949	260.875.528
Cộng	1.478.387.168	1.618.412.750

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2025 VND	01/04/2024 VND
Chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ	424.411.587	396.187.746
Cộng	424.411.587	396.187.746

5.10 Tài sản khác**5.10.1 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/03/2025 VND	01/04/2024 VND
Cổ phần của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (i)	72.000.000.000	72.000.000.000
Đầu tư vào Công TNHH Hải Phong Hà Nội (ii)	-	7.000.000.000
Đầu tư vào Công TNHH Đầu tư Thương mại Hoàng Nam (iii)	-	8.000.000.000
Cộng	72.000.000.000	87.000.000.000

5.10.2 Tài sản dài hạn khác

	31/03/2025 VND	01/04/2024 VND
Góp vốn vào Công ty Cổ phần VBP (iv)	-	50.000.000.000
Cộng	-	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

(i) Là khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt.

Tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng số cổ phần này cho bên thứ ba là Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Quang số lượng 7.000.000 cổ phần và ông Hồ Vĩnh Hoàng số lượng 200.000 cổ phần. Với giá chuyển nhượng là 10.000 VND/cổ phiếu, theo đó ngày 17/01/2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72.000.000.000 VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11/12/2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tuy nhiên, đến ngày ngày 30 tháng 09 năm 2024, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do đó Công ty vẫn ghi nhận giá gốc khoản đầu tư vào khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác" với số tiền 72.000.000.000 VND và ghi nhận tương ứng số tiền đã nhận được từ bên thứ ba vào khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" được trình bày tại Thuyết minh số 5.19.

(ii) Góp vốn vào Công ty TNHH Hải Phong Hà Nội theo Thỏa thuận chuyển nhượng vốn số 1910.2.2023.CNVG-HP ngày 18/03/2024, giá trị đầu tư đến 30 tháng 09 năm 2024 là 7 tỷ đồng. Theo Quyết định số 01-2023/QĐ/TGD/HIPT ngày 28/06/2023 của Tổng Giám đốc Công ty thì là khoản Đầu tư thương mại ngắn hạn (trong 12 tháng) nên khoản đầu tư này được Công ty trình bày ở Tài sản ngắn hạn khác. Khoản đầu tư này đã được chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2025/HĐCNVG-HP ngày 01/03/2025.

(iii) Góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hoàng Nam theo Thỏa thuận chuyển nhượng vốn số 1910.1.2023.CNVG-HN ngày 18/03/2024, giá trị đầu tư đến 30 tháng 09 năm 2024 là 8 tỷ đồng. Theo Quyết định số 01-2023/QĐ/TGD/HIPT ngày 28/06/2023 của Tổng Giám đốc Công ty thì là khoản Đầu tư thương mại ngắn hạn (trong 12 tháng) nên khoản đầu tư này được Công ty trình bày ở Tài sản ngắn hạn khác. Khoản đầu tư này đã được chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2025/HĐCNVG-HN ngày 01/03/2025.

(iv) Góp vốn vào Công ty Cổ phần VBP (tên cũ là Công ty TNHH VBP) theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 25-23/NQ-HĐQT ngày 22/11/2023, giá trị đầu tư đến 31 tháng 03 năm 2024 là 50 tỷ đồng, mức định giá cổ phần sẽ được xác định bằng 8 lần EBITDA của Công ty Cổ phần VBP năm 2025. Bởi vậy khoản đầu tư này ban đầu được Công ty trình bày ở Tài sản dài hạn khác. Theo Hợp đồng vốn góp và Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/03/2025 thì khoản đầu tư này được chuyển thành vốn góp vào Công ty Cổ phần VBP với tỷ lệ tương ứng là 32,26%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư tại 01/04/2024	54.038.000	2.418.119.727	5.276.895.531	7.749.053.258
Mua trong kỳ	47.727.273	-	67.081.818	114.809.091
Số dư tại 31/03/2025	101.765.273	2.418.119.727	5.343.977.349	7.863.862.349
Giá trị hao mòn				
Số dư tại 01/04/2024	44.402.192	318.628.213	5.163.495.643	5.526.526.048
Khấu hao trong kỳ	21.567.629	598.876.622	61.052.220	681.496.471
Số dư tại 31/03/2025	65.969.821	917.504.835	5.224.547.863	6.208.022.519
Giá trị còn lại				
Số dư tại 01/04/2024	9.635.808	2.099.491.514	113.399.888	2.222.527.210
Số dư tại 31/03/2025	35.795.452	1.500.614.892	119.429.486	1.655.839.830
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng				
Số dư tại 01/04/2024	-	-	5.060.604.942	5.060.604.942
Số dư tại 31/03/2025	54.038.000	-	5.094.586.441	5.148.624.441

5.12 Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư tại 01/04/2024	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Mua trong năm	5.600.000.000	-	5.600.000.000
Số dư tại 31/03/2025	6.600.000.000	-	6.600.000.000
Giá trị hao mòn			
Số dư tại 01/04/2024	146.149.187	-	146.149.187
Khấu hao trong kỳ	722.043.015	-	722.043.015
Số dư tại 31/03/2025	868.192.202	-	868.192.202
Giá trị còn lại			
Số dư tại 01/04/2024	853.850.813	-	853.850.813
Số dư tại 31/03/2025	5.731.807.798	-	5.731.807.798
Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Số dư tại 01/04/2024	-	-	-
Số dư tại 31/03/2025	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.13 Bất động sản đầu tư

	01/04/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/03/2025
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
Tồn thất do suy giảm giá trị				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp	160.731.312.554	160.731.312.554	85.405.014.992	85.405.014.992
Công ty CP Phần mềm FIT	-	-	4.223.216.000	4.223.216.000
M-Security Technology Indochina PTE.LTD	63.728.731.318	63.728.731.318	9.468.508.380	9.468.508.380
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ quốc gia ADG	4.804.290.931	4.804.290.931	11.852.295.180	11.852.295.180
Công ty CP Công nghệ Elite	2.579.012.881	2.579.012.881	5.224.851.011	5.224.851.011
JTRI	-	-	11.600.867.460	11.600.867.460
Cty CP PT Công nghệ Viễn Thông Tin học Sun Việt	-	-	9.977.180.400	9.977.180.400
Công ty TNHH Thương mại Thái Nguyên	15.414.795.000	15.414.795.000	-	-
Công ty CP công nghệ Bằng Hữu (AMIGO)	7.168.687.300	7.168.687.300	-	-
Các nhà cung cấp khác	67.035.795.124	67.035.795.124	33.058.096.561	33.058.096.561
Cộng	160.731.312.554	160.731.312.554	85.405.014.992	85.405.014.992

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan Công ty CP HIPT	-	-	18.378.990.221	-
Người mua trả tiền trước khác	52.023.279.506	52.023.279.506	70.177.069.319	70.177.069.319
Ban quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo	-	-	11.985.000.000	11.985.000.000
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN	-	-	6.056.016.000	6.056.016.000
Cục Bưu điện Trung ương	-	-	14.904.807.000	14.904.807.000
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên	-	-	17.296.920.000	17.296.920.000
Bộ Quốc Phòng	30.862.284.000	30.862.284.000	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	8.089.260.000	8.089.260.000	-	-
Các đối tượng khác	13.071.735.506	13.071.735.506	19.934.326.319	19.934.326.319
Cộng	52.023.279.506	52.023.279.506	88.556.059.540	70.177.069.319

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.785.846.079	28.600.308.508	28.792.251.925	-	3.593.902.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000.000.000	-	5.412.700.308	-	-	4.412.700.308
Thuế thu nhập cá nhân	-	149.055.919	1.445.813.911	2.418.752.863	823.883.033	-
Các loại thuế khác	-	46.376.591	6.431.072.933	6.056.173.644	-	421.275.880
Cộng	1.000.000.000	3.981.278.589	41.889.895.660	37.267.178.432	823.883.033	8.427.878.850

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2025	01/04/2024
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	438.157.921	957.193.651
Trích trước giá vốn các dự án	276.699.800	6.067.386.884
Trích trước chi phí tiền điện	32.335.836	128.421.017
Chi phí khác	210.000.000	117.600.000
Cộng	957.193.557	7.270.601.552

5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/03/2025	01/04/2024
	VND	VND
Doanh thu từ bảo hành, bảo trì	11.080.383.859	10.367.423.897
Cộng	11.080.383.859	10.367.423.897

5.19 Các khoản phải trả khác**5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả các đối tượng khác	77.670.299.110	77.670.299.110	77.827.753.869	77.827.753.869
Ban điều hành Đề án 112 Chính Phủ	2.656.280.900	2.656.280.900	2.656.280.900	2.656.280.900
Tạm ứng mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh 5.10)	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000
Kinh phí công đoàn	398.053.754	398.053.754	348.398.554	348.398.554
Bảo hiểm xã hội	-	-	114.123.859	114.123.859
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	7.937.719	7.937.719
Cổ tức phải trả	284.375.875	284.375.875	304.904.075	304.904.075
Phải trả khác	2.331.588.581	2.331.588.581	2.396.108.762	2.396.108.762
Cộng	77.670.299.110	77.670.299.110	77.827.753.869	77.827.753.869

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.19.2 Phải trả dài hạn khác

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các cá nhân uỷ thác đầu tư dài hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

	31/03/2025		Trong năm		01/04/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1>Vay ngắn hạn	86.383.769.069	86.383.769.069	564.886.338.005	616.505.093.889	138.002.524.953	138.002.524.953
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIBank) (i)	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - CN Ba Đình (ii)	40.879.012.400	40.879.012.400	302.038.536.252	338.696.353.687	77.536.829.835	77.536.829.835
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm - PGD Hồ Gươm (iii)	23.546.337.080	23.546.337.080	82.913.684.345	70.893.542.095	11.526.194.830	11.526.194.830
Ngân hàng TMCP Quân Đội - PGD Từ Liêm-CN Hoàng Quốc Việt (iv)	-	-	14.925.511.000	24.065.011.288	9.139.500.288	9.139.500.288
Công ty cổ phần HIPT DX (v)	-	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty cổ phần HIPT (vi)	-	-	24.305.017.541	24.305.017.541	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB)	6.804.282.000	6.804.282.000	38.549.501.069	31.745.219.069	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam(VCB) - SGD	12.054.137.589	12.054.137.589	19.813.437.798	7.759.300.209	-	-
Ngân hàng TMCP VPBank CN Thụy Khuê	-	-	9.340.650.000	9.340.650.000	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân (vii)	3.100.000.000	3.100.000.000	68.000.000.000	74.700.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000
2> Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Cộng	86.383.769.069	86.383.769.069	564.886.338.005	616.505.093.889	138.002.524.953	138.002.524.953

5.2.0.2 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

(i): Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2232848.23 ngày 10/03/2023; hạn mức tín dụng là: 50 tỷ VND, trong đó hạn mức vay tối đa là 20 tỷ VND; mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất cho vay quy định cụ thể tại từng kế ước nhận nợ; tài sản đảm bảo: Khoản phải thu từ hợp đồng đầu ra với các đối tác cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

- (ii): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng cấp tín dụng số BDN202064399/HĐCTD ngày 22/12/2020 và phụ lục số BDN202064399/HĐCTD/PLHM-1919108 ký ngày 23/05/2024 với hạn mức tín dụng là 170 tỷ đồng; thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng 12 tháng, từ ngày 05/03/2024 tới ngày 05/03/2025; mục đích cấp tín dụng phục vụ mục đích thương mại thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin; lãi suất quy định theo từng Đơn đề nghị giải ngân kiểm kê ước nhận nợ; Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số TLG2023TSDDB989842/HĐTC ký ngày 11/05/2023 để thế chấp tài sản là 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
- (iii): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm - PGD Hồ Gươm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 144/2024/HĐTD/HGM ký ngày 26/07/2024 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Hình thức đảm bảo là tin chấp.
- (iv): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng cấp tín dụng số 209127.24.012.270263.TD ký ngày 10/05/2024 với tổng hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng 12 tháng, từ ngày 03/05/2024 tới ngày 03/05/2025. Mục đích cho vay để phục vụ hoạt động kinh doanh thiết bị, phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin của khách hàng; lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp số 209156.24.012.270263 ký ngày 10/05/2024; tài sản thế chấp là hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB tài trợ.
- (v): Vay ngắn hạn Công ty cổ phần HIPT DX theo hợp đồng cấp tín dụng số 88/2023/DX ngày 29/06/2023, với tổng hạn mức là 30 tỷ VND, thời hạn cho vay là 01 năm kể từ ngày giải ngân từng lần, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay là 7,5% năm (tính theo ngày, trên cơ sở 30 ngày/tháng).
- (vi): Vay ngắn hạn Công ty cổ phần HIPT theo hợp đồng cấp tín dụng số 0104/2024/HIJ-HIPT ký ngày 01/04/2024, với tổng hạn mức là 18.378.990.221 đồng, thời hạn cho vay từ 01/04/2024 tới ngày 31/03/2025, lãi suất cho vay là 6% năm (tính theo ngày, trên cơ sở 30 ngày/tháng). Hợp đồng cấp tín dụng số 3006/2024/HIJ-HIPT ký ngày 30/06/2024, với tổng hạn mức là 5.926.027.320 đồng, thời hạn cho vay từ 30/06/2024 tới ngày 31/03/2025, lãi suất cho vay là 6% năm (tính theo ngày, trên cơ sở 30 ngày/tháng).
- (vii): Vay ngắn hạn các cá nhân, thời hạn vay không xác định; lãi suất vay 6%/năm. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.21 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.21.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/04/2023	225.590.300.000	97.570.067.828	-	37.021.120.777	360.181.488.605
Lãi trong năm trước	-	-	-	23.854.806.563	23.854.806.563
Số dư tại 31/03/2023	225.590.300.000	97.570.067.828	-	60.875.927.340	384.036.295.168
Số dư tại 01/04/2024	225.590.300.000	97.570.067.828	-	60.875.927.340	384.036.295.168
Lãi trong năm nay	-	-	-	32.569.516.063	32.569.516.063
Số dư tại 31/03/2025	225.590.300.000	97.570.067.828	-	93.445.443.403	416.605.811.231

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Lê Hải Đoàn	113.449.361.000	50,29%	86.668.880.000	38,42%
Công ty Cổ phần VBP	32.011.263.000	14,19%	39.990.000.000	17,73%
Tập đoàn Bảo Việt	19.870.310.000	8,81%	19.870.310.000	8,81%
Công ty TNHH Kế toán và tư vấn VBP	11.410.000.000	5,06%	11.410.000.000	5,06%
Các cổ đông khác	48.849.366.000	21,65%	67.651.110.000	29,99%
Cộng	225.590.300.000	100%	225.590.300.000	100%

5.21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	225.590.300.000	225.590.300.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	225.590.300.000	225.590.300.000

5.21.4 Cổ phiếu

	31/03/2025 Cổ phiếu	01/04/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.559.030	22.559.030
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.559.030	22.559.030
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	22.559.030
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.559.030	22.559.030
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	22.559.030
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

	31/03/2025	01/04/2024
USD	38.791,75	12.349,56
EUR	4.965,15	4.972,88

b) Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	31/03/2025	01/04/2024
	VND	VND
Phải thu Công ty cho thuê tài chính BIDV	221.726.000	221.726.000
Phải thu ông Trần Phúc Toàn	148.500.000	148.500.000
Phải thu văn phòng Nokia Hà Nội	87.708.660	87.708.660
Công ty TNHH HIPT Mobile	20.991.178.683	20.991.178.683
Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội (Công ty liên kết)	663.440.566	663.440.566
Công ty CP Dịch vụ kỹ nghệ hàng không Việt (Công ty liên kết)	77.333.520	77.333.520
Thanh tra TP. Hồ Chí Minh	3.658.380	3.658.380
Văn phòng UBND Q. Bình Thạnh	25.693.600	25.693.600
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.310.284.298	1.310.284.298
Cộng	23.529.523.707	23.529.523.707

c) Cổ tức nhận bằng cổ phiếu

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu từ chứng khoán kinh doanh	31/03/2025	01/04/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ tức CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh (HMC)	4.805	19.890
Cổ tức Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PGI)	97.500	97.500
Cổ tức Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (SVT)	62.099	62.099
Cổ tức Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB)	745.794	253.794
Cổ tức CTCP Vận tải Xăng dầu đường Thủy Petrolimex (PJT)	79.427	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	734.598.872.630	667.839.405.767
Doanh thu từ dịch vụ, phần mềm, chương trình	507.886.196.410	297.936.567.424
Doanh thu cho thuê văn phòng	692.206.700	1.040.192.572
Cộng	1.243.177.275.740	966.816.165.763

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	678.296.118.743	614.532.962.025
Giá vốn cung cấp dịch vụ, phần mềm, chương trình	464.117.773.332	250.978.663.668
Giá vốn cho thuê văn phòng	692.206.700	978.760.109
Cộng	1.143.106.098.775	866.490.385.802

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.035.953.963	1.164.964.906
Lãi bán chứng khoán	3.749.852.114	2.817.384.583
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.746.227.649	10.886.191.884
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	883.479.392	932.567.055
Cộng	17.415.513.118	15.801.108.428

6.4 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	7.016.264.929	8.043.975.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	1.027.025.072	1.985.962.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	1.117.863.062	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư	10.319.109.723	11.072.848.059
Chi phí tài chính khác	2.057.606.927	46.042.358
Cộng	21.537.869.713	21.148.827.756

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	20.965.656.721	27.478.730.041
Chi phí vật liệu, bao bì	72.526.490	159.004.942
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.810.354.035	391.709.203
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.359.803	26.842.721
Chi phí bảo hành	1.093.316.190	4.080.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.434.234.130	5.505.745.105
Chi phí bằng tiền khác	5.416.419.025	8.748.395.232
Cộng	35.835.866.394	42.314.507.244

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.601.770.274	5.939.875.125
Chi phí vật liệu quản lý	-	15.970.489
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.037.627.970	1.928.514.676
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.360.179.684	417.302.031
Thuế, phí và lệ phí	361.803.214	238.528.793
Chi phí dự phòng	11.389.819.006	16.039.825.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.201.732.320	6.138.933.291
Chi phí bằng tiền khác	1.153.789.439	918.738.550
Cộng	26.106.721.907	31.637.688.943

6.7 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản được hưởng, được bồi thường	4.010.320.273	3.131.004.543
Các khoản khác	14.502.669	450.000
Cộng	4.024.822.942	3.131.454.543

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

6.8 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	28.476.286	3.459.578
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	-	298.302.848
Các khoản khác	20.362.354	750.000
Cộng	48.838.640	302.512.426

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.982.216.371	23.854.806.563
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(10.450.728.940)	(11.777.811.797)
Các khoản điều chỉnh tăng	903.578.275	3.459.578
Chi phí không hợp lệ	20.362.354	-
Các khoản ghi tăng khác	854.739.635	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	28.476.286	3.459.578
Các khoản điều chỉnh giảm	(11.354.307.215)	(11.781.271.375)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(10.687.862.339)	(10.886.191.884)
Khoản điều chỉnh giảm giá vốn đã loại trừ chi phí khi tính thuế TNDN năm trước (xem thuyết minh 6.2)	-	-
Khoản lãi dự thu từ hợp đồng cho vay	(653.067.704)	(845.479.452)
Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ năm trước	-	(11.863.570)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi và phải thu cuối kỳ	(13.377.172)	(37.736.469)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	(467.985.891)	(12.547.880.657)
Lỗ kết chuyển năm 2021	-	(1.238.451.271)
Lỗ kết chuyển năm 2022	(470.885.891)	12.076.994.766
Khoản điều chỉnh cho thu nhập tính thuế các năm trước	2.900.000	(23.386.424.152)
Thu nhập tính thuế TNDN	27.063.501.540	(470.885.891)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	5.412.700.308	-

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày về lãi cơ bản trên cổ phiếu trong báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	564.886.338.005	535.451.421.340

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	616.505.093.889	433.045.799.807

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Các loại công cụ tài chính của Công ty:

	<u>31/03/2025</u>		<u>Giá trị ghi sổ</u> <u>01/04/2024</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.735.912.093	-	38.671.127.134	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	245.006.406.983	(50.912.191.868)	235.691.936.167	(39.522.372.862)
Đầu tư tài chính	379.811.175.364	(37.312.005.583)	275.844.638.761	(27.007.717.063)
	<u>668.553.494.440</u>	<u>(88.224.197.451)</u>	<u>550.207.702.062</u>	<u>(66.530.089.925)</u>

	<u>31/03/2025</u>		<u>Giá trị ghi sổ</u> <u>01/04/2024</u>	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	86.383.769.069		138.002.524.953	
Phải trả người bán và phải trả khác	238.901.611.664		163.732.768.861	
Chi phí phải trả	957.193.557		7.270.601.552	
	<u>326.242.574.290</u>		<u>309.005.895.366</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/03/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.735.912.093	-	-	43.735.912.093
Phải thu khách hàng và phải thu khác	194.031.215.115	63.000.000	-	194.094.215.115
Đầu tư tài chính	128.853.449.267	-	213.645.720.514	342.499.169.781
Cộng	366.620.576.475	63.000.000	213.645.720.514	580.329.296.989
Tại ngày 01/04/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.671.127.134	-	-	38.671.127.134
Phải thu khách hàng và phải thu khác	184.170.857.793	-	-	184.170.857.793
Đầu tư tài chính	117.119.201.184	-	131.717.720.514	248.836.921.698
Cộng	339.961.186.111	-	131.717.720.514	471.678.906.625

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/03/2025				
Vay và nợ	86.383.769.069	-	-	86.383.769.069
Phải trả người bán và phải trả khác	238.401.611.664	500.000.000	-	238.901.611.664
Chi phí phải trả	957.193.557	-	-	957.193.557
Cộng	325.742.574.290	500.000.000	-	326.242.574.290
Tại ngày 01/04/2024				
Vay và nợ	138.002.524.953	-	-	138.002.524.953
Phải trả người bán và phải trả khác	163.232.768.861	500.000.000	-	163.732.768.861
Chi phí phải trả	7.270.601.552	-	-	7.270.601.552
Cộng	308.505.895.366	500.000.000	-	309.005.895.366

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan tới Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lương thưởng Ban Tổng GD				
Nguyễn Trần Thành	Tổng giám đốc	Lương và thưởng	929.520.000	978.060.000
Trương Phúc Giang	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	697.328.000	848.278.396
Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	669.860.000	645.060.000
Thù lao HĐQT				
Lê Hải Đoàn	Chủ tịch HĐQT	Lương và thưởng	681.860.000	816.960.000
Lê Văn Yên	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	549.860.000	-
Thù lao ban kiểm soát				
Đặng Thị Ngọc Trâm	Chủ tịch UBKT	Thù lao UBKT	113.400.000	70.200.000
Đặng Hoàng Giang	Thành viên	Thù lao UBKT	36.000.000	-

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt:

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty còn có các khoản chưa được thanh toán với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư 31/03/2025	Số dư 01/04/2024
			VND	VND
Lê Hải Đoàn	Chủ tịch HĐQT	Số dư khoản tạm ứng	17.911.920.645	-
		Thu nhập còn phải trả	-	50.996.000
Nguyễn Trần Thành	Tổng giám đốc	Số dư khoản tạm ứng	300.000.000	300.000.000
		Thu nhập còn phải trả	-	74.921.251
Trương Phúc Giang	Phó Tổng giám đốc	Số dư khoản tạm ứng	-	300.000.000
		Thu nhập còn phải trả	-	57.860.510
Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	Số dư khoản tạm ứng	100.000.000	100.000.000
		Thu nhập còn phải trả	-	44.505.250

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Công ty CP HIPT	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	103.802.096.474	58.451.790.217
		Mua hàng hoá và dịch vụ	31.274.952.785	2.943.000.000
Công ty CP HIPT DX	Công ty con	Góp vốn	19.428.000.000	-
		Mua hàng hoá và dịch vụ	7.690.874.291	-
Công ty CP Đầu tư - xây dựng công trình văn hóa Đô Thị	Công ty liên kết	Hoàn tiền góp vốn	-	9.000.000.000

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

9.3 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

9.4 Số liệu so sánh

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

9.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



[Handwritten signature]

Nguyễn Trần Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 06 năm 2025

[Handwritten signature]

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]
Phùng Chi Như Linh

Người lập biểu